

Bản án số: 45/2021/HSST
Ngày 26 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An;
Ông Nguyễn Qg Bằng;
Bà Đỗ Thị Kim Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Kiều Thị Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2021/TLST - HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/HSST-QĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021, đối với bị cáo:

Phạm Hưng Q, sinh ngày 30 tháng 7 năm 1989 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh H và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Trà M và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 08/4/2018, Công an thị xã T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Hưng Q về hành vi đánh bạc, với mức phạt là 1.500.000đồng. Ngày 19/4/2019 Q đã nộp phạt số tiền trên; nhân thân: Ngày 02/10/2020, Cơ Q Cảnh sát điều tra Công an thị xã I, tỉnh Hà Tĩnh ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam đối với Phạm Hưng Q về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 02/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã I đã có quyết định chuyển vụ án đến Cơ Q Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh để giải quyết theo thẩm quyền; bị cáo bị tạm giam theo Lệnh Tạm giam của Công an thị xã I, Công an tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 30 tháng 9 năm 2020 đến nay, (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Hưng Q:* Ông Hà Trọng G – Luật sư Văn phòng Luật sư Hà Trọng G và các Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Số X, Đường R, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

- *Bị hại:* Chị Đặng Thị O, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hưng Q làm thuê tại Công trình điện năng lượng mặt trời ở xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Thuận. Tại đây, Q quen với anh Nguyễn Hoàng U, do đó, ngày 09/10/2019 Q làm hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER, biển kiểm soát (viết tắt là BKS) 86A - 044.37 của anh U để làm phương tiện đi lại. Đến khoảng cuối tháng 11 năm 2019, Q rủ anh Lê Anh W (tên gọi khác là Tuấn) đi cùng Q ra xã T1, huyện L1, tỉnh Vĩnh Phúc để mua máy công trình cũ bán kiếm lời thì anh Lê Anh W đồng ý. Sau đó, anh W rủ thêm anh Nguyễn Văn F và anh Võ Văn K để cùng nhau đi mua máy công trình cũ. Khoảng 5 ngày sau thì Q điều khiển xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER, BKS: BKS 86A - 044.37 đón anh Lê Anh W, Q nói với anh W xe ô tô này là của Q rồi Q cùng anh W thay nhau điều khiển xe ô tô đi đến nhà anh Võ Văn K. Trên đường đi đến K1, đường Đ1, thuộc tỉnh Đắk Nông, do điều khiển xe ô tô chạy quá tốc độ quy định nên Q bị Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đắk Nông lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h - 20 km/h và tạm giữ 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Phạm Hưng Q; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và 01 chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường mang BKS: 86A - 044.37 nhưng không giữ xe. Sau đó, Q và anh Lê Anh W tiếp tục thay nhau điều khiển xe ô tô đến nhà anh Võ Văn K. Đến nơi, Q đón anh Võ Văn K và anh Nguyễn Văn F, rồi Q, anh Lê Anh W, anh F và anh Võ Văn K đi ra xã T1, huyện L1, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi ra đến gần địa phận xã T1 thì Q thuê 01 phòng nghỉ ở khách sạn D1, sau đó Q có mua được 02 chiếc máy xúc cũ rồi thuê xe chở 02 chiếc máy này vào Miền Nam bán. Do tiền phòng nghỉ tại khách sạn D1 đắt nên ngày 24/11/2019, Q cùng anh Lê Anh W, anh F và anh Võ Văn K đến thuê phòng tại nhà nghỉ I1 68 thuộc xã P, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc do chị Đặng Thị O làm chủ. Vài ngày sau, thì anh Võ Văn K có việc gia đình nên về trước. Sau đó khoảng 2 – 3 ngày thì anh Lê Anh W cũng đi về, chỉ còn Q và anh F ở lại nhà nghỉ I1 68, quá trình ở tại nhà nghỉ I1 68, Phạm Hưng Q đã 2 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Đặng Thị O, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Qua tiếp xúc, thấy chị O là người thật thà nên Q đã nảy sinh ý định lừa chị O để chiếm đoạt tiền. Để thực hiện ý định trên, ngày 01/12/2019 Q nói dối chị O là đã tìm được máy cũ nhưng không đem đủ tiền nên hỏi vay chị O 500.000.000 đồng nhưng chị O không đồng ý cho Q vay do Q không có tài sản gì để bảo đảm, vì vậy, Q đã nói dối là bán cho chị O xe ô tô BKS: 86A – 044.37 với giá 500.000.000 đồng để chị O đưa tiền cho Q (mục đích của Q là sau khi chiếm đoạt tiền của chị O, Q sẽ tìm cách lấy lại xe). Chị O hỏi giấy tờ xe ô tô thì Q bảo do Q chạy xe quá tốc độ nên bị Công an tỉnh Đắk Nông giữ giấy tờ xe, bằng lái xe và Q cho chị O xem biên bản vi phạm hành chính. Q nói dối chiếc xe ô tô trên đăng ký mang tên Q, không có tranh chấp gì nên chị O đồng ý mua và yêu cầu Q viết giấy bán xe cùng giấy cam kết. Q viết giấy bán xe và giấy cam kết rồi đưa giấy bán xe và giấy cam kết cùng biên bản vi phạm hành chính cho chị O giữ. Ngày 02/12/2019, Q cùng chị O đến Ngân hàng Agribank tại xã V1, huyện L1, tại đây, Q mở tài khoản số 2803205185054 mang tên Phạm Hưng Q. Sau đó, chị O chuyển cho Q 400.000.000 đồng từ số tài khoản 2803205162529 của chị O tại Ngân hàng Agribank đến số tài khoản 2803205185054 của Q. Vài ngày sau chị O đưa nốt cho Q 100.000.000 đồng tại nhà nghỉ I1 68 để thanh toán tiền mua xe. Sau đó, Q nói dối chị O là cần biên bản vi phạm hành chính để cho anh Lê Anh W lấy giấy tờ xe ra, tin là Q nói thật nên chị O đã đưa biên bản vi phạm hành chính cho Q. Vài ngày sau vẫn không thấy Q đưa giấy tờ xe, chị O hỏi thì Q bảo Công an nói giấy phép lái xe của Q là giả nên yêu cầu Q đến làm việc. Sau đó Q nói dối chị O là cần chứng minh nhân dân để về giải quyết công việc liên Q đến giấy tờ xe nên chị O đã đưa chứng minh nhân dân cho Q (khi thuê nhà nghỉ Q đã đưa chứng minh nhân dân của Q cho chị O).

Lần thứ hai: Sau khi chiếm đoạt của chị Đặng Thị O số tiền 500.000.000 đồng, ngày 19/12/2019 Phạm Hưng Q tiếp tục nói dối chị O là đã tìm được máy cũ nhưng không đủ tiền nên hỏi vay chị O 200.000.000 đồng, do trước đó Q nói với chị O là anh Lê Anh W đang mang giấy tờ xe ra và đưa 35 công nhân ra cắt sắt tại Tề Lỗ, đồng thời còn cho chị O số điện thoại của anh W để nhờ chị O đón anh W vì anh W không biết đường nên chị O tin là thật, vì vậy chị O đã đồng ý cho Q vay 200.000.000 đồng. Sau đó, Q cùng chị O đến Ngân hàng Agribank tại xã V1, chị O sử dụng số tài khoản 2803205162529 chuyển đến số tài khoản 2803205185054 của Q 200.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Q nói dối chị O cho Q mượn xe ô tô BKS: 86A - 044.37 để đi mua máy công trình, chị O đồng ý và giao xe ô tô cho Q. Sau đó, Q điều khiển xe ô tô đưa anh F về Nghệ An, còn Q đi vào tỉnh Đắk Nông cầm cố xe ở 01 cửa hàng cầm đồ. Sau khi cầm cố xe, Q thông báo cho anh U đến chuộc xe rồi Q bỏ trốn (anh U đã có đơn tố giác đến cơ Q Cảnh sát điều tra Công an huyện Z, tỉnh Bình Thuận về việc Q cầm cố xe của anh U, hiện cơ Q Cảnh sát điều tra Công an huyện Z đang tạm

đình chỉ tin báo, tố giác tội phạm đối với đơn tố giác trên). Do không thấy Q quay lại trả xe, chị O gọi vào số điện thoại mà Q bảo là số của anh Lê Anh W thì không liên lạc được, chị O gọi cho Q cũng không liên lạc được. Sau nhiều lần không liên lạc được với Q, chị O đã trình báo cơ Q Công an.

Ngày 04/11/2020, chị O giao nộp cho Cơ Q điều tra 01 Giấy bán xe và 01 giấy cam kết của Phạm Hưng Q.

Ngày 13/01/2021, Cơ Q Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định đối với giấy cam kết và giấy bán xe có chữ ký và đề tên người viết là Phạm Hưng Q do chị O giao nộp so với chữ viết và chữ ký trong 02 bản tự khai đề ngày 08/12/2019 và 09/12/2019 của Phạm Hưng Q. Tại bản Kết luận giám định số 273/KLGD ngày 25/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ viết và chữ ký của người viết trên giấy cam kết và giấy bán xe so với chữ viết, chữ ký trong 02 bản tự khai đề ngày 08/12/2019 và 09/12/2019 của Phạm Hưng Q là do cùng một người viết ra.

Đối với xe ô tô BKS: 88A – 044.37, quá trình điều tra xác định tháng 3/2016 chị H1 mua tại đại lý Toyota ở Vũng Tàu với số tiền 1.050.000.000 đồng, sau đó làm thủ tục đăng ký xe mang tên H1. Đến khoảng tháng 10 năm 2018, chị H1 bán cho anh Nguyễn Hoàng U với giá 850.000.000 đồng. Đến đầu tháng 10 năm 2019, anh U cho Phạm Hưng Q thuê xe ô tô trên, đến ngày 04/3/2020 thì lấy lại xe. Ngày 17/6/2020, anh U bán cho anh Nguyễn Văn Y1, ngày 01/7/2020 anh Y1 bán chiếc xe ô tô trên cho anh Văn Công C1. Hiện anh C1 đã làm thủ tục đăng ký xe mang tên Văn Công C1.

Tại bản Cáo trạng số: 41/CT-VKS-P1 ngày 20 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Phạm Hưng Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên Q điểm truy tố như cáo trạng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hưng Q từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù, thời hạn **chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.**

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc Phạm Hưng Q phải trả cho chị Đặng Thị O số tiền 700.000.000 đồng.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Hưng Q trình bày bản bào chữa khẳng định Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Người bào chữa đồng tình với Q

điểm của Viện kiểm sát về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại chị Đặng Thị O thừa nhận việc bị cáo Phạm Hưng Q lừa đảo chiếm đoạt 02 lần đối với bị hại như bản cáo trạng đã truy tố bị cáo và lời khai thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Chị O đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo Q phải trả cho chị O số tiền 700.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Đối với số tiền thuê phòng nghỉ và tiền ăn của chị, chị không yêu cầu bị cáo Q phải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Phạm Hưng Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Bị cáo khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/12/2019 đến ngày 19/12/2019, do cần tiền tiêu sài bị cáo đã 02 lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 700.000.000đ của chị Đặng Thị O, cụ thể:

Lần thứ nhất: Nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của chị Đặng Thị O, Phạm Hưng Q đã nảy sinh ý định nói dối xe ô tô BKS: 86A – 044.37 là của Q để bán cho chị O, sau khi chiếm đoạt tiền của chị O, Q sẽ tìm cách lấy lại xe. Vì vậy, ngày 01/12/2019 Phạm Hưng Q đã nói dối bán cho chị Đặng Thị O xe ô tô BKS: 86A – 044.37 với giá 500.000.000 đồng, chị O tin là thật nên đã đồng ý mua và chuyển vào tài khoản của Q số tiền 400.000.000 đồng và đưa trực tiếp cho Q số tiền 100.000.000 đồng để trả tiền mua xe. Đến ngày 19/12/2019, Q nói dối chị O mượn xe để đi mua máy công trình, sau đó thì đem xe bỏ trốn.

Lần thứ hai: Ngày 19/12/2019, Phạm Hưng Q nói dối là thiếu tiền mua máy công trình (do tiền trong Miền nam chưa chuyển ra kịp) nên đã hỏi vay chị Đặng Thị O số tiền 200.000.000 đồng, chị O tin là thật nên đã chuyển vào tài khoản của Q số tiền 200.000.000 đồng để cho Q vay. Sau khi nhận được số tiền trên, Phạm Hưng Q đã bỏ trốn.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ Q điều tra; phù hợp với lời

khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ để kết luận hành vi của Phạm Hưng Q đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bằng thủ đoạn gian dối, Phạm Hưng Q đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là số tiền 700.000.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

[4] Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đó là thành khẩn khai báo; đã tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam nhưng phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuy trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt nhưng bị cáo đã liên tiếp 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền rất lớn nhằm mục đích tiêu sài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự ham muốn kiếm tiền bất chính, liều lĩnh, coi thường pháp luật, gây phẫn nộ, bất an trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi cuộc sống cộng đồng ở ngoài xã hội để chấp hành hình phạt tù tại Trại giam với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, phòng chống đối với loại tội phạm này.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn F, quá trình điều tra xác định anh F đã cùng Q, anh Lê Anh W và anh Võ Văn K đến xã T1, huyện L1, tỉnh Vĩnh Phúc với mục đích để tìm mua máy công trình cũ. Quá trình ở tại nhà nghỉ I1 68, anh F biết việc Q vay tiền của chị O còn cụ thể vay để làm gì, vay bao nhiêu thì anh F không rõ. Anh F không biết việc Q chiếm đoạt tiền của chị O thông qua việc lừa bán xe ô tô, vì vậy anh F không đồng phạm với Phạm Hưng Q về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên cơ Q điều tra không đề cập xử lý bằng pháp luật hình sự là phù hợp.

Đối với anh Lê Anh W và anh Võ Văn K, quá trình điều tra xác định, thời điểm Phạm Hưng Q chiếm đoạt tiền của chị O thông qua hình thức lừa bán xe ô tô BKS: 86A – 044.37 và thông qua hình thức vay tiền, anh Lê Văn Dũng và anh Võ Văn K đã không còn ở cùng với Phạm Hưng Q tại nhà nghỉ I1 68, anh Lê

Anh W và anh Võ Văn K không biết việc Q lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên cơ Q điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc Phạm Hưng Q phải trả lại cho chị Đặng Thị O số tiền 700.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Hưng Q phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Hưng Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hưng Q 12 (Mười hai) năm 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 123, 131, 466 và Điều 481 Bộ luật Dân sự.

Buộc Phạm Hưng Q phải trả lại cho chị Đặng Thị O số tiền 700.000.0000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Phạm Hưng Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Hưng Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Người bào chữa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng HC-TP, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
*Đã ký***

Nguyễn Thị Thu Hà